

Số: /2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030; Báo cáo thẩm tra số/BCTT-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện Chương trình

Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 590/QĐ-TTg*).

b) Các chính sách khác không quy định trong Nghị quyết này áp dụng theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg (*sau đây viết tắt là Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT*) và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới, khu kinh tế - quốc phòng.

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

- Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình Bố trí dân cư.

3. Phạm vi và đối tượng áp dụng của Nghị quyết không bao gồm phạm vi và đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Ưu tiên bố trí, sắp xếp ổn định hộ gia đình, cá nhân ở nơi bị thiên tai, vùng có nguy cơ cao về thiên tai (*sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng*) đến nơi định cư an toàn; vùng biên giới, hải đảo (*hiện chưa có dân sinh sống hoặc ít dân*); vùng đặc biệt khó khăn; vùng dân di cư tự do đến đời sống còn khó khăn, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng.

2. Hộ gia đình, cá nhân được sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải phù hợp với

các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

3. Nhà nước hỗ trợ một lần sau khi hộ gia đình, cá nhân hoàn thành di dời, ổn định tại nơi ở mới hoặc hoàn thành việc nâng cấp, sửa chữa nhà ở và được nghiệm thu theo quy định. Trong cùng thời điểm mà có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì đối tượng được hỗ trợ chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

4. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng định mức, đúng phạm vi, đối tượng, kịp thời, theo dự án, phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân

a) Hỗ trợ di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ thiên tai

Hỗ trợ di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ sau khi hoàn thành việc di dời nhà ở.

Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/hộ.

b) Hỗ trợ di chuyển người và tài sản đối với hộ gia đình, cá nhân vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do

Hỗ trợ di chuyển người và tài sản đối với hộ gia đình, cá nhân vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do theo dự án, phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

c) Hỗ trợ nhà ở

Hộ gia đình thuộc các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ kinh phí làm nhà ở sau khi hoàn thành.

Mức hỗ trợ: 60 triệu đồng/hộ.

Yêu cầu chất lượng về nhà ở sau khi được hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2022/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

d) Hỗ trợ khai hoang (nếu có)

Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân có điều kiện khai hoang (*địa bàn bố trí, ổn định dân cư còn quỹ đất sản xuất cấp cho hộ gia đình, cá nhân khai hoang*), quỹ đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: 22,5 triệu đồng/hộ.

đ) Hỗ trợ lương thực

Hỗ trợ lương thực cho hộ gia đình, cá nhân chưa tự túc được lương thực trong 03 tháng đầu tại nơi tái định cư.

Mức hỗ trợ: 15kg gạo thường/người/tháng hoặc bằng tiền mặt tương ứng với giá trị 15 kg gạo thường tại thời điểm hỗ trợ (*Giá gạo hỗ trợ được tính theo giá công bố của địa phương, giá công bố được lấy theo báo cáo giá thị trường của từng địa phương tại thời điểm phê duyệt dự án*).

e) Hỗ trợ nước sinh hoạt

Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân tại những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bằng các vật dụng chứa nước (*bồn, téc, lu, ...*) làm bằng các vật liệu kim loại, nhựa có dung tích từ 500 lít trở lên; ống dẫn nước; tự làm bể chứa nước dung tích tối thiểu 500 lít; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

Mức hỗ trợ: 03 triệu đồng/hộ.

g) Hỗ trợ bố trí ổn định dân cư tại chỗ

Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng trên địa bàn không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác và đã hoàn thành việc nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/hộ.

h) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp trong khu rừng đặc dụng được bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất

a) Hỗ trợ địa bàn bố trí ổn định dân cư xen ghép

Nội dung hỗ trợ: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (*khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất*); xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất

Nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg và sau khi thực hiện xong việc bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo phương án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng/hộ.

3. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân bằng tiền mặt thông qua chủ hộ gia đình, cá nhân đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này.

b) Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân bằng tiền mặt hoặc bằng gạo thường thông qua chủ hộ gia đình, cá nhân đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp chủ hộ gia đình, cá nhân không thể trực tiếp đến nhận hỗ trợ thì được uỷ quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để nhận thay.

d) Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

1. Ngân sách nhà nước (*ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương*) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

3. Phân bổ nguồn vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Nghị quyết số 106/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*) hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện bố trí ổn định dân cư từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 nhưng chưa được chi trả chế độ chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thì được áp dụng quy định theo Nghị quyết này.

4. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngàytháng.....năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII, kỳ họp thứ

thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đăng tải công báo điện tử cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung